

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Tuyến đường kết nối giữa tuyến đường Vành đai 5 - Vùng thủ đô Hà Nội (đoạn qua địa phận tỉnh Thái Nguyên) với đường tỉnh 294, tỉnh Bắc Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương pháp đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 ngày 27/6/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của luật đường bộ và điều 77 luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; số 14/TT-BXD ngày 29/12/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 Sửa đổi, bổ sung một số định mức ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 Sửa đổi, bổ sung một số định mức ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường kết nối giữa tuyến đường

Vành đai 5 - Vùng thủ đô Hà Nội (đoạn qua địa phận tỉnh Thái Nguyên) với đường tỉnh 294, tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1 tại Tờ trình số 18/TTr-BQLDA ngày 05/02/2026; Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD dự án Tuyến đường kết nối giữa tuyến đường Vành đai 5 - Vùng thủ đô Hà Nội (đoạn qua địa phận tỉnh Thái Nguyên) với đường tỉnh 294, tỉnh Bắc Ninh tại Báo cáo số 73/BC-SXD ngày 06/02/2026 của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Tuyến đường kết nối giữa tuyến đường Vành đai 5 - Vùng thủ đô Hà Nội (đoạn qua địa phận tỉnh Thái Nguyên) với đường tỉnh 294, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Tuyến đường kết nối giữa tuyến đường Vành đai 5 - Vùng thủ đô Hà Nội (đoạn qua địa phận tỉnh Thái Nguyên) với đường tỉnh 294, tỉnh Bắc Ninh.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Quang Trung, tỉnh Bắc Ninh.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.

4. Chủ đầu tư: Ban QLDA Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế đường bộ.

6. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án: Dự án nhóm C; công trình giao thông đường bộ cấp II.

7. Mục tiêu dự án: Đầu tư dự án từng bước xây dựng hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông của tỉnh; hình thành trước tuyến giao thông để kết nối ĐT.294 của tỉnh Bắc Ninh với tuyến đường hiện trạng của tỉnh Thái Nguyên đã đầu tư, đồng thời kết hợp với định hướng phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng tuyến đường Vành đai 5 - Vùng thủ đô Hà Nội; tăng cường kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng hiện hữu, liên kết không gian vùng giữa khu vực phía Tây Bắc tỉnh Bắc Ninh với khu vực phía Đông Nam tỉnh Thái Nguyên; thúc đẩy sự hợp tác phát triển kinh tế, giao lưu văn hoá, nhu cầu giao thông của người dân; đồng thời, góp phần củng cố quốc phòng, an ninh trong khu vực.

8. Quy mô đầu tư xây dựng

8.1. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Quy mô đầu tư dự án với chiều rộng nền đường $B_n=12,0m$, chiều rộng mặt đường $B_m=2 \times 3,5m=7,0m$, chiều rộng lề đường $B_l=2 \times 2,5m=5m$ (trong đó phần lề gia cố mỗi bên $B_{lgc}=2m$, lề đất mỗi bên $B_{ld}=0,5m$); xây dựng nút giao với ĐT.294 phù hợp với quy mô tuyến đường, đảm bảo các luồng giao thông di chuyển êm thuận và an toàn.

- Các hạng mục công trình đầu tư trong dự án gồm: nền, mặt đường; công

trình thoát nước, hệ thống an toàn giao thông và hạng mục cần thiết khác đảm bảo phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

8.2. Giải pháp thiết kế xây dựng chủ yếu

a) Bình đồ, mặt cắt dọc: Điểm đầu tại Km0+00 giao với đường đường tỉnh 294, thuộc địa phận thôn Liên Cao, xã Quang Trung, tỉnh Bắc Ninh; điểm cuối tại Km0+993,8, thuộc địa phận thôn Khánh Châu, xã Quang Trung, tỉnh Bắc Ninh, kết nối với tuyến đường hiện trạng do tỉnh Thái Nguyên đã đầu tư. Bình đồ tuyến theo quy hoạch được duyệt, các yêu cầu kỹ thuật đảm bảo tầm nhìn, bán kính đường cong đứng, cong nằm, độ dốc dọc đảm bảo theo QCVN 07-4:2023/BXD, TCVN 4054:2005.

b) Mặt cắt ngang:

Mặt cắt ngang đường $B_n = 12,0 \div 22,5(m)$, thiết kế mở rộng dần vuốt nối về phía đường hiện trạng do tỉnh Thái Nguyên đã đầu tư, trong đó: Bề rộng mặt đường $B_{mặt} = 7,0 \div 16,5(m)$; bề rộng lề gia cố $B_{lgc} = 2 \times 2,0 = 4,0m$; bề rộng lề đất $B_{ld} = 2 \times 0,5 = 1,0m$; độ dốc ngang: $I_{mđ} = 2\%$; $I_{lề} = 6\%$.

Số làn xe, chiều rộng làn xe chạy, dốc ngang mặt đường đảm bảo theo TCVN 4054:2005.

c) Nền đường: Nền đường được đắp bằng đất cấp phối hoặc bằng cát đạt tiêu chuẩn thiết kế, các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng. Trước khi đắp nền thực hiện đánh cấp, đào bỏ lớp đất không thích hợp sau đó đắp thay thế bằng đất lu lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 95\%$, riêng lớp đất đắp dày 50cm sát kết cấu áo đường đảm bảo độ chặt $K \geq 98\%$. Khi đắp trên mái dốc nền đường cũ có độ dốc lớn hơn 20% tiến hành đào cấp, chiều rộng cấp tối thiểu 2,0m. Mái taluy nền đường đắp là 1/1,5.

d) Mặt đường: Thiết kế kết cấu áo đường mềm cấp cao A1 đảm bảo $E_{yc} \geq 140 \text{ Mpa}$.

đ) Nút giao: Thiết kế 01 nút giao ngã ba bằng hình thức giao bằng, đảm bảo góc giao, tầm nhìn, tốc độ, bán kính cong, bó vỉa theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành được áp dụng.

e) Đường giao: Các vị trí đường giao dân sinh thiết kế vuốt nối êm thuận với mặt đường hiện trạng.

f) Thoát nước ngang:

- Công thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT, tải trọng HL93 bao gồm công địa hình thoát nước lưu vực, công cấu tạo thoát nước ngang.

- Công thoát nước được thiết kế theo TCVN 9113:2012 đối với các loại công tròn và TCVN 9116:2012 đối với các loại công hộp.

g) Thiết kế hoàn trả hệ thống mương thủy lợi: Hoàn trả kênh, mương đối với các đoạn tuyến có ảnh hưởng đến kênh, mương hiện hữu, đảm bảo phù hợp với quy mô kênh, mương hiện trạng, quy hoạch thủy lợi của địa phương, khả năng thoát nước của khu vực.

h) An toàn giao thông: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT và các tiêu chuẩn hiện hành.

9. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: 02 bước.

- Danh mục các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án theo Tờ trình số 18/TTr-BQLDA ngày 05/02/2026 của Chủ đầu tư.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: **51.812.000.000 đồng** (Năm mươi một tỷ, tám trăm mười hai triệu đồng), trong đó:

Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:	14.989.999.000	đồng
Chi phí xây dựng:	28.840.592.000	đồng
Chi phí QLDA:	652.846.000	đồng
Chi phí tư vấn ĐTXD:	2.262.952.000	đồng
Chi phí khác:	976.407.000	đồng
Chi phí dự phòng:	4.089.204.000	đồng

12. Tiến độ thực hiện dự án theo chủ trương đầu tư được phê duyệt:

- Thời gian chuẩn bị đầu tư: 2025-2026;

- Thời gian thực hiện dự án: 2026-2027.

13. Nguồn vốn đầu tư, dự kiến bố trí kế hoạch vốn: Vốn Ngân sách tỉnh được bố trí theo tiến độ thực hiện dự án.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc.

15. Đơn vị thụ hưởng: Sở Xây dựng.

16. Các nội dung khác

- Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: UBND xã Quang Trung tổ chức triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Ban QLDA Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1 có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ đảm bảo tiến độ thực hiện của dự án.

- Các nội dung khác theo kết quả thẩm định tại Báo cáo số 73/BC-SXD ngày 06/02/2026 của Sở Xây dựng và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD đã được thẩm định.

Điều 2. Chủ đầu tư tổ chức thực hiện thi công xây dựng công trình, quản lý dự án theo đúng quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Xây dựng; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Kho bạc Nhà nước khu vực VI; UBND xã Quang Trung; Ban Quản lý dự án Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1 và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH-ĐT, KTTH, KTN;
- Lưu: VT, KTN_{Hiếu}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Thế Tuấn